

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LONG XUYÊN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **120/2022/DS-ST**
Ngày: 17-8-2022
V/v tranh chấp Hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYÊN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Bé Thu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thanh Vân
2. Bà Nguyễn Thị Xuân Loan

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Ngọc Ký, là Thư ký Tòa án, của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân thành phố Long Xuyên tham gia phiên tòa:
Không thuộc trường hợp Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa.

Trong ngày 17 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 154/2022/TLST-DS, ngày 25 tháng 5 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 305/2022/QĐXXST-DS, ngày 07 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 264/2022/QĐST-DS, ngày 25 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng A. Địa chỉ: đường A, phường B, quận C, thành phố Hồ Chí Minh. Do bà Nguyễn Đức Thạch D - Tổng Giám đốc đại diện theo pháp luật.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Minh S - Giám đốc Ngân hàng A chi nhánh An Giang (Theo Quyết định ủy quyền số 3161/2021/GUQ-PL, ngày 27/12/2021 về việc ủy quyền ký hợp đồng/ thỏa thuận, văn bản tham gia tổ tụng của Ngân hàng A).

Ông Trần Minh S ủy quyền lại cho ông Huỳnh Hùng Kh - Phó Phòng khách hàng cá nhân Ngân hàng A - chi nhánh An Giang (Theo giấy ủy quyền ngày 27/12/2021 của Ngân hàng A - chi nhánh An Giang).

Bị đơn: Ông Trần Thái B, sinh năm 1997

Địa chỉ: đường H, khóm I, phường M, thành phố LX, tỉnh An Giang

Tại phiên tòa ông Huỳnh Hùng Kh có mặt; ông Trần Thái B vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 02 tháng 12 năm 2021; quá trình hòa giải Ngân hàng A thể hiện nội dung và yêu cầu khởi kiện như sau:

Ngày 17/5/2016, Ngân hàng A – Chi Nhánh An Giang và ông Trần Thái B có ký kết hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng, số thẻ 472074-2364. Căn cứ vào thu nhập của ông B, ngân hàng đã cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 20.000.000 đồng mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông B thực hiện giao dịch với tổng số tiền là 34.800.000 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, ông B đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền gốc và lãi 43.755.000 đồng. Đến kỳ giao dịch tháng 4/2020 thì ông B ngưng thanh toán. Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông B không có thiện chí trả nợ. Do ông B vi phạm nghĩa vụ thanh toán, ngày 23/8/2021 ngân hàng chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn.

Tính đến ngày 07/7/2022, ông B còn nợ ngân hàng các khoản sau: Nợ gốc 11.380.366 đồng; lãi quá hạn: 10.441.561 đồng; tổng cộng: 21.824.930 đồng.

Ngân hàng thường xuyên đôn đốc, nhiều lần làm việc trực tiếp, tạo điều kiện về mặt thời gian để ông B trả nợ. Tuy nhiên ông B vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho ngân hàng.

Do đó, Ngân hàng A yêu cầu ông Trần Thái B phải trả cho ngân hàng số tiền tạm tính đến ngày 07/7/2022 là 21.821.930 đồng (Trong đó: Nợ gốc là 11.380.366 đồng và lãi quá hạn là 10.441.561 đồng) và ông B có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 08/7/2022 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng.

Bị đơn ông Trần Thái B không có văn bản trình bày ý kiến gửi Tòa án đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; không tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; không tham dự phiên tòa do Tòa án triệu tập.

Tại phiên tòa ngày 17/8/2022:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện: Xác định yêu cầu ông B trả nợ gốc là 10.290.455 đồng; tiền lãi trong hạn từ ngày 01/5/2020 đến ngày 31/7/2020; tiền lãi quá hạn từ ngày 01/8/2020 cho đến ngày Tòa án xét xử và tiếp tục duy trì lãi phát sinh từ ngày 18/8/2022 theo Hợp đồng đã ký kết cho đến khi thanh toán xong hết nợ. Mức lãi suất thỏa thuận là 2,6%/tháng; lãi quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

Bị đơn ông Trần Thái B vắng mặt nên không có ý kiến trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ngân hàng A khởi kiện yêu cầu ông B trả tiền vay. Do đó, Hội đồng xét xử xác định đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Ông B có

nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại thành phố Long Xuyên nên căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên thụ lý là đúng thẩm quyền.

[2] Về thủ tục tố tụng:

[2.1] Về thủ tục ủy quyền: Ngân hàng A ủy quyền cho ông Khang. Việc ủy quyền phù hợp với quy định pháp luật. Do đó, ông Khang tham gia với tư cách người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng A theo quy định tại khoản 4 Điều 85 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2.2] Ông B được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Ngân hàng A vắng mặt nhưng có người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 2, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự: Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt Ngân hàng A, ông B.

[2.3] Xem xét việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Tại đơn khởi kiện ngày 02/12/2021 nguyên đơn yêu cầu ông B trả nợ gốc là 11.380.366 đồng. Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền thay đổi yêu cầu khởi kiện chỉ yêu cầu ông B trả nợ gốc là 10.290.455 đồng. Việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn không vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu nên căn cứ vào khoản 1 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử chấp nhận việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3] Về nội dung vụ án: Căn cứ vào Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng mà ông B ký kết với Ngân hàng A ngày 17/5/2016 thể hiện hạn mức tín dụng mà ngân hàng duyệt cho ông B là 20.000.000 đồng. Quá trình sử dụng thẻ đến kỳ giao dịch tháng 4/2020 thì ông B ngưng thanh toán với số tiền giao dịch còn nợ lại là 10.290.455 đồng. Đối với yêu cầu khởi kiện của ngân hàng phía ông B không có văn bản trình bày ý kiến, không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh đến thời điểm này ông đã thanh toán số tiền này cho ngân hàng chưa nên Hội đồng xét xử không có căn cứ xác định ông đã hoàn thành nghĩa vụ với ngân hàng. Căn cứ vào bảng tóm tắt sao kê theo dõi quá trình ông B sử dụng thẻ, thể hiện tại kỳ giao dịch của tháng 4/2020 ông B thanh toán được 650.000 đồng thì ngưng không trả gốc và lãi cho ngân hàng đến nay. Do đó, yêu cầu của ngân hàng buộc ông B trả nợ gốc 10.290.455 đồng; lãi trong hạn và lãi quá hạn là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ ngày 01/5/2020 ông B ngưng giao dịch, đến ngày 01/8/2020 ngân hàng chuyển toàn bộ khoản nợ của ông B sang nợ quá hạn nên ngoài khoản nợ gốc 10.290.455 đồng ông B còn phải trả cho ngân hàng tiền lãi trong hạn từ ngày 01/5/2020 đến ngày 31/7/2020 và lãi quá hạn từ ngày 01/8/2020 đến ngày 17/8/2022. Mức lãi suất ngân hàng và ông B thỏa thuận tại thời điểm ông B vi phạm là 2,6%/tháng; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

Số tiền lãi ông B phải trả cho ngân hàng cụ thể như sau:

* Tiền lãi trong hạn kể từ ngày 01/5/2020 đến ngày 31/7/2020 là 91 ngày: $10.290.455 \text{ đồng} \times 2,6 \% / \text{tháng} \times 91 \text{ ngày} = 800.456 \text{ đồng};$

* Tiền lãi quá hạn từ ngày 01/8/2020 đến ngày 17/8/2022 là 746 ngày:
 $10.290.455 \text{ đồng} \times 2,6 \% / \text{tháng} \times 150\% \times 746 \text{ ngày} = 9.842.975 \text{ đồng}.$

Tổng số tiền gốc và lãi ông B phải trả cho ngân hàng là: 20.933.886 đồng.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông B phải nộp theo quy định pháp luật. Ngân hàng được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 85, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 2, 3 Điều 228, khoản 1 Điều 244, Điều 271, 273, 278 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2005;

- Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

- Khoản 4 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng A: Buộc bị đơn ông Trần Thái B có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng A số tiền còn nợ lại của Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 17/5/2016 (Có số thẻ là 472074-2364) là 20.933.886 (Hai mươi triệu, chín trăm ba mươi ba nghìn, tám trăm tám mươi sáu) đồng. Trong đó: Nợ gốc 10.290.455 đồng; lãi trong hạn 800.456 đồng; lãi quá hạn 9.842.975 đồng.

Kể từ ngày 18/8/2022 ông B còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của ngân hàng cho vay.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông B phải nộp 1.047.000 (Một triệu, không trăm bốn mươi bảy nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng A được nhận lại 465.000 (Bốn trăm sáu mươi lăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001294, ngày 19 tháng 5 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Long Xuyên.

3/ Số tiền gốc, lãi ông B trả cho Ngân hàng A và tiền tạm ứng án phí Ngân hàng A được nhận lại sẽ do Ngân hàng A chi nhánh An Giang đại diện nhận thay.

4/ Về quyền kháng cáo:

Ngân hàng A được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án;

Ông Trần Thái B được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện Kiểm sát nhân dân TPLX;
- Chi cục Thi hành án dân sự TPLX;
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Lưu Văn phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Bé Thu